

BÁO CÁO THỐNG KÊ
Tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
(Từ ngày 16/08/2024 đến ngày 22/08/2024)

STT	Tên cơ quan	Hồ sơ ký trước chuyển sang	Hồ sơ tiếp nhận								Tổng hồ sơ phải xử lý	Hồ sơ xin hủy		Hồ sơ đã xử lý										Hồ sơ đang xử lý
			Tổng hồ sơ phát sinh	Phát sinh trong kỳ			Lũy kế					Phát sinh trong kỳ	Lũy kế	Phát sinh trong kỳ				Lũy kế						
				Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4				Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Tổng số	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4			
A	B	(1)	(2)=(3)+(4) +(5)	(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8) +(9)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+(2)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)+(16)	(14)	(15)	(16)	(17)=(18)+(19)+(20)	(18)	(19)	(20)	(21)=(10)-(11)-(13)		
1	Ban Quản lý Khu Kinh tế	0	4	1	0	3	30	15	3	12	4	0	0	1	0	0	1	28	14	4	10	3		
2	Bảo hiểm Xã hội	301	476	250	0	226	18.405	8.969	0	9.436	777	0	0	599	326	0	273	18.624	9.081	0	9.543	183		
3	Công an tỉnh	7.566	1.069	523	546	0	16.206	6.596	9.610	0	8.635	0	0	292	143	149	0	9.528	3.251	6.277	0	8.343		
4	Sở Giao thông Vận tải	129	591	591	0	0	18.010	18.010	0	0	720	0	0	590	590	0	0	18.136	18.136	0	0	130		
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	38	125	36	89	0	4.322	1.194	3.128	0	163	0	0	123	34	89	0	4.367	1.239	3.128	0	40		
6	Công ty CP Điện nước An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
7	Công ty Điện lực An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
8	Sở Công Thương	14	799	0	6	793	28.734	14	330	28.390	813	4	83	799	0	11	788	28.731	13	339	28379	10		
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	277	37	34	0	3	26.945	571	116	26.258	314	0	28	45	42	0	3	26.686	564	94	26028	269		
10	Sở Khoa học và Công nghệ	0	1	0	0	1	60	0	32	28	1	0	1	1	0	0	1	63	0	36	27	0		
11	Sở Lao động, Thương binh và XH	20	1	0	1	0	460	0	402	58	21	0	46	3	0	1	2	421	0	369	52	18		
12	Sở Ngoại vụ	1	1	0	1	0	18	0	18	0	2	0	0	1	0	1	0	17	0	17	0	1		
13	Sở Nông nghiệp và PT Nông Thôn	70	53	0	43	10	1.573	30	1.212	331	123	1	84	61	0	51	10	1.467	30	1111	326	61		
14	Sở Nội vụ	21	16	0	0	16	415	37	2	376	37	1	22	18	0	1	17	379	37	2	340	18		
15	Sở Thông tin và Truyền thông	0	0	0	0	0	52	0	6	46	0	0	5	0	0	0	0	54	0	2	52	0		
16	Sở Tài chính	1	0	0	0	0	17	0	3	14	1	0	2	1	0	0	1	15	0	1	14	0		
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	57	11	0	11	0	660	245	392	23	68	0	4	32	0	27	5	704	321	364	19	36		
18	Sở Tư pháp	479	328	115	80	133	11.120	5.203	2.990	2.927	807	0	31	302	123	36	143	11.132	5234	3061	2837	505		
19	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	20	0	2	18	449	0	26	423	24	3	30	11	0	0	11	418	0	22	396	10		
20	Sở Xây dựng	76	38	0	16	22	1.165	200	304	661	114	9	205	32	0	9	23	985	223	178	584	73		
21	Sở Y tế	262	64	0	42	22	2.050	41	894	1.115	326	0	44	45	3	17	25	2.061	31	831	1199	281		
Tổng cộng		9.316	3.634	1.550	837	1.247	130.691	41.125	19.468	70.098	12.950	18	585	2.956	1.261	392	1.303	123.816	38.174	15.836	69.806	9.981		

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Như Huỳnh

Nguyễn Thanh Hùng